TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 8 - 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lương Tuất Mạnh
Ông Phạm Tuấn Thịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thanh Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 24/6/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2020, bản tự khai ngày 24/6/2020 và trong quá trình xét xử thì chị Trần Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Y làm ăn kinh doanh không có khách lâm vào tình trạng khó khăn, trong khi đó anh T lại không quan tâm, lo lắng cho kinh tế chung của gia đình nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn cãi nhau, anh T không tôn trọng chị. Khi mâu thuẫn xảy ra chị đã nhiều lần nói chuyện với anh để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng anh T không thay đổi mà còn xúc phạm chị. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị và anh T đã tự sống

ly thân từ tháng 02/2020 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị Y xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh Phạm Văn T không có con chung, hiện nay chị không mang thai nghén gì, nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị Y xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ về nhân thân, song bị đơn vẫn không cung cấp.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân. Vì anhPhạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc anh T vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Trần Thị Y có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn" với anh Phạm Văn T (địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2019

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị Y đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên toà chị Trần Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn T. Đối với anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Y anh T đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ đầu năm 2020 đến nay, nên việc chị Y xin ly hôn anh T là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Y ly hôn anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Y xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung, hiện chị không mang thai nghén gì, nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên toà chị Trần Thị Y xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Trần Thị Y ly hôn anh Phạm Văn T

2. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002455 ngày 23/6/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã S;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng